|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  Số: /2020/TT-BLĐTBXH | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư Quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thông tư này áp dụng với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện việc việc xây dựng, thẩm định và ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

b) Các bộ, cơ quan trung ương, uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thẩm định, ban hành giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp do Nhà nước tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước.

c) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập xây dựng và ban hành giá dịch vụ giáo dục giáo dục nghề nghiệp để thực hiện các dịch vụ giáo dục nghề nghiệp do cơ sở giáo dục nghề nghiệp cung cấp mà không sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

d) Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập áp dụng phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp quy định tại Thông tư này để xác định giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp áp dụng cho đơn vị mình.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp) là toàn bộ chi phí để đào tạo cho 01 người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo từng nghề/ năm học hoặc tín chỉ hoặc mô đun. Giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định.

2. Chi phí tiền lương là tiền lương, tiền công của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong và ngoài đơn vị tham gia quản lý, giảng dạy (bao gồm các khoản phải trả cho người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn);

3. Chi phí trực tiếp là chi phí phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, hoạt động cung cấp dịch vụ, gồm: chi phí vật tư, văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, điện, nước, nguyên, nhiên vật liệu, chương trình giáo trình, chuyển giao công nghệ, thuê cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo và các chi phí khác phục vụ trực tiếp hoạt động giảng dạy, học tập, thực hành, thực nghiệm, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ đào tạo nghề nghiệp khác.

4. Chi phí quản lý là chi phí phục vụ các phòng, ban của bộ phận quản lý trong đơn vị, gồm: chi phí vật tư, văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, điện, nước, chi phí quảng bá và các chi phí khác phục vụ công tác quản lý chung của đơn vị.

5. Chi phí khấu hao tài sản cố định là chi phí khấu hao (hao mòn) nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và các tài sản cố định khác sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ đào tạo nghề nghiệp.

**Điều 3. Mục tiêu xây dựng và ban hành** **giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.**

1. Làm căn cứ để xác định giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp nhằm mục đích nhà nước đặt hàng đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Làm công khai, minh bạch các khoản thu, chi trong giáo dục nghề nghiệp, tạo môi trường bình đẳng giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

3. Tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo giáo dục nghề nghiệp để làm cơ sở xác định giá thu học phí của các cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

**Điều 4: Phân loại** **giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

1. Giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp ngành: Là giá do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành bao gồm các ngành, nghề quy định tại Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

2. Giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là địa phương): Là giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp cụ thể cho từng nghề do các địa phương tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành đối với các ngành, nghề theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp, thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp này chỉ có hiệu lực áp dụng trong phạm vi quản lý của địa phương. Các địa phương khác có thể xem xét áp dụng giá dịch vụ ngành và của địa phương khác đã ban hành.

3. Gía dịch vụ giáo dục nghề nghiệp cấp cơ sở: Là giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng, thẩm định và ban hành để cụ thể hóa giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp cho phù hợp với điều kiện và đặc thù của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp ngày chỉ áp dụng trong phạm vi cơ sở giáo dục nghề nghiệp đó.

**Chương II**

**PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 5. Nguyên tắc tính giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp**

1. Giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí thành phần bao gồm chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định.

2. Giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp phải đảm bảo phù hợp với khả năng chi trả của người sử dụng dịch vụ, phản ánh quan hệ cung – cầu về dịch vụ giáo dục nghề nghiệp.

3. Giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp được phân biệt theo ngành, nghề và trình độ đào tạo.

4. Giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp được điều chỉnh khi các yếu tố hình thành giá dịch vụ đào tạo thay đổi.

**Điều 6. Căn cứ xây dựng giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp**

1. Định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Quy định về mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ đối với đơn vị sự nghiệp công và định mức lao động.

3. Chỉ số giá tiêu dùng được nhà nước công bố hàng năm.

4. Quy định pháp luật về giá.

5. Số liệu thống kê hàng năm và các tài liệu có liên quan đến cơ cấu tính giá.

**Điều 7. Phương pháp xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.**

1. Phương pháp thống kê và so sánh: Căn cứ vào số liệu thống kê hàng năm của Tổng cục Thống kê về chỉ số giá tiêu dùng của các loại hàng hóa và dựa vào kinh nghiệm hoặc các thông số so sánh để xây dựng giá dịch vụ đào tạo.

2. Phương pháp tiêu chuẩn: Căn cứ vào các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để tính toán giá dịch vụ đào tạo.

4. Phương pháp phân tích thực nghiệm: Trên cơ sở triển khai khảo sát, thực nghiệm theo từng quy trình, nội dung công việc để phân tích, tính toán từng yếu tố cấu thành giá dịch vụ đào tạo.

**Điều 8. Nội dung xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

Giá dịch vụ đào tạo giáo dục nghề nghiệp xác định theo công thức sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Giá dịch vụ  đào tạo | = | Chi phí tiền lương | + | Chi phí trực tiếp | + | Chi phí quản lý | + | Chi phí khấu hao tài sản cố định |

1. Chi phí tiền lương

a) Chi phí tiền lương gồm chi phí tiền lương cho lao động trực tiếp (giảng dạy) và chi phí tiền lương cho lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ).

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi phí  tiền lương | **=** | Định mức  lao động | **×** | Đơn giá tiền lương hoặc tiền công |

- Định mức lao động: Áp dụng theo định mức lao động trong định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan có thầm quyền quy định.

- Đơn giá tiền lương hoặc tiền công:

+ Đơn giá tiền lương thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về tiền lương.

+ Đơn giá tiền công đối với các tổ chức trả tiền công thông qua hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể thì chi phí tiền công phải trả cho người lao động căn cứ vào hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể.

b) Căn cứ điều kiện và yêu cầu thực tế, chi phí tiền lương được xác định trên cơ sở quỹ tiền lương hoặc theo nguồn thu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đảm bảo hoạt động hiệu quả của đơn vị và phải được quy định chi tiết trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Chi phí trực tiếp

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi phí trực tiếp | = | Chi phí vật tư | + | Chi phí thiết bị |

a) Chi phí vật tư

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chi phí vật tư | = | Định mức vật tư | **×** | Giá vật tư |

- Định mức vật tư: Áp dụng theo định mức vật tư trong định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan có thầm quyền quy định.

- Giá vật tư được xác định như sau:

Giá vật tư dùng để tính giá dịch vụ đào tạo được xác định phù hợp với tiêu chuẩn, chủng loại và chất lượng vật tư sử dụng. Cụ thể như sau:

+ Đối với vật tư do Nhà nước định giá: tính theo giá do Nhà nước quy định cộng (+) chi phí lưu thông hợp lý (nếu có);

+ Đối với vật tư mua ngoài: Nếu không có đầy đủ chứng từ, hoá đơn theo quy định thì tính theo mức giá thấp nhất từ các nguồn thông tin như giá thị trường do tổ chức có chức năng cung cấp; hoặc báo giá của nhà sản xuất, thông tin giá của nhà cung cấp; nếu có đầy đủ chứng từ, hoá đơn theo quy định thì tính theo giá đã được áp dụng cho sản phẩm khác trên cùng địa bàn (khu vực) có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự; hoặc giá mua ghi trên hóa đơn mua/bán hàng; hoặc giá trúng thầu, giá trúng đấu giá, giá niêm yết cộng (+) chi phí hợp lý, hợp lệ để đưa vật tư về đến cơ sở giáo dục nghề nghiệp (nếu có).

+ Đối với vật tư trực tiếp nhập khẩu đưa vào sử dụng: Tính theo giá vốn nhập khẩu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (+) các chi phí thực tế hợp lý để đưa vật tư về đến cơ sở giáo dục nghề nghiệp (nếu có).

+ Đối với vật tư tự làm: Tính theo giá thực tế xuất kho cộng (+) chi phí thực tế phát sinh trong quá trình đưa vào dịch vụ (nếu có).

+ Đối với vật tư thuê gia công chế biến: Tính theo giá thực tế xuất kho giao gia công cộng (+) chi phí gia công cộng (+) các chi phí hợp lý để đưa vật tư về đến cơ sở giáo dục nghề nghiệp (nếu có).

Giá các loại vật tư và các khoản chi phí về gia công chế biến, vận chuyển, bảo quản, thu mua,… phải được ghi trên hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

b) Chi phí thiết bị được xác định theo số lượng, chủng loại và thời gian sử dụng thiết bị trong hoạt động đào tạo 1 khóa học của mỗi ngành, nghề (định mức sử dụng thiết bị)

Đối với các thiết bị cần sản xuất, gia công thì chi phí này được xác định trên cơ sở khối lượng, số lượng thiết bị cần sản xuất, gia công và đơn giá sản xuất, gia công phù hợp với tính chất, chủng loại thiết bị theo hợp đồng sản xuất, gia công đã được ký kết hoặc căn cứ vào báo giá gia công sản phẩm của nhà sản xuất.

3. Chi phí quản lý

Chi phí quản lý là chi phí phục vụ các phòng, ban của bộ phận quản lý trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; bao gồm:

- Chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ.

- Chi điện, nước.

- Chi quảng bá (tuyển sinh, kết nối doanh nghiệp, khai giản, bế giảng,...)

- Chi phí đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

- Thuế, phí và lệ phí (nếu có).

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý; tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu (nếu có).

- Chi phí bằng tiền khác thuộc quản lý chung, ngoài các chi phí đã nêu trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia hiệp hội và chi phí hợp lý khác theo quy định.

4. Chi phí khấu hao tài sản cố định

- Chi phí khấu hao tài sản cố định được tính theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao vào giá dịch vụ đào tạo do cấp có thẩm quyền quy định (nếu có).

**Chương III**

**QUY TRÌNH XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ BAN HÀNH GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**Điều 9. Thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và hội đồng thẩm định giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

1. Ban chủ nhiệm xây dựng giá dịch vụ đào tạo

a) Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xây dựng giá dịch vụ đào tạo (theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này) quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng giá dịch vụ cho từng ngành, nghề đào tạo (dưới đây gọi là Ban chủ nhiệm).

b) Thành phần của Ban chủ nhiệm

- Ban chủ nhiệm tối đa gồm 09 thành viên. Tùy thuộc khối lượng công việc của từng ngành, nghề cần xây dựng giá dịch vụ đào tạo quyết định số lượng thành viên Ban chủ nhiệm;

- Ban chủ nhiệm gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các ủy viên, trong đó 01 ủy viên kiêm Thư ký ban;

- Thành viên Ban chủ nhiệm là các nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn về ngành, nghề xây dựng giá dịch vụ hoặc có chuyên môn về kế toán, tài chính.

c) Tiêu chuẩn đối với thành viên Ban chủ nhiệm

- Có trình độ chuyên môn từ độ đại học trở lên;

- Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong ngành, nghề cần xây dựng giá dịch vụ đào tạovà hiện đang làm việc trong các lĩnh vực thuộc ngành, nghề đó;

d) Trách nhiệm, quyền hạn của Ban chủ nhiệm

- Chịu trách nhiệm trong quá trình tổ chức xây dựng giá dịch vụ đào tạocho ngành, nghề được giao;

- Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng của giá dịch vụ đào tạo; báo cáo trước Hội đồng thẩm định; hoàn thiện và bàn giao dự thảo sau khi đã được Hội đồng thẩm định đánh giá đạt yêu cầu để đề nghị ban hành;

- Thực hiện chi tiêu tài chính và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý, hợp pháp của các chứng từ chi tiêu theo quy định hiện hành.

2. Hội đồng thẩm định giá dịch vụ đào tạo

a) Cơ quan ban hành giá dịch vụ đào tạo(theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này) quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá dịch vụ đào tạo (dưới đây gọi là Hội đồng thẩm định) và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Hội đồng thẩm định.

b) Thành phần của Hội đồng thẩm định

- Hội đồng thẩm định có 07 hoặc 09 thành viên, số lượng thành viên Hội đồng thẩm định tùy thuộc vào khối lượng công việc của từng ngành, nghề cần xây dựng giá dịch vụ đào tạo;

- Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng và các ủy viên, trong đó 01 ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng;

- Thành viên của Hội đồng thẩm định là các nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn về ngành, nghề đang được xây dựng giá dịch vụ đào tạo hoặc có chuyên môn về kế toán, tài chính.

c) Tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng thẩm định

- Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên;

- Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong ngành, nghề cần xây dựng giá dịch vụ đào tạo hoặc có chuyên môn về kế toán, tài chính và hiện đang làm việc trong các lĩnh vực thuộc ngành, nghề đó.

**Điều 10. Quy trình tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

Bước 1: Chuẩn bị

Cơ quan được giao tổ chức xây dựng giá dịch vụ tập huấn về phương pháp, quy trình xây dựng, thẩm định cho Ban chủ nhiệm và Hội đồng thẩm định.

Bước 2: Xây dựng đề cương tổng hợp và đề cương chi tiết

Ban chủ nhiệm chủ trì triển khai:

- Xây dựng đề cương tổng hợp và đề cương chi tiết;

- Tổ chức các cuộc họp, thảo luận xây dựng đề cương, xây dựng kế hoạch thực hiện.

Bước 3: Trên cơ sở các căn cứ quy định tại Điều 6 của Thông tư này Ban chủ nhiệm triển khai việc xây dựng giá dịch vụ đối với từng nội dung chi tiết của ngành, nghề cần xây dựng, cho từng trình độ đào tạo theo các nội dung quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Bước 4: Thực hiện việc lấy ý kiến cho dự thảo giá dịch vụ

- Tổ chức hội thảo (tối thiểu 20 người) để hoàn thiện giá dịch vụ;

- Lấy ý kiến chuyên gia độc lập (tối thiểu 10 chuyên gia) về giá dịch vụ.

Bước 5: Khảo sát để đánh giá, hoàn thiện dự thảo giá dịch vụ

Ban chủ nhiệm tổ chức khảo sát tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (ít nhất 05 cơ sở) hoặc thuê tổ chức thẩm định giá để thẩm định theo quy định.

Bước 6: Chỉnh sửa và biên tập tổng thể dự thảo giá dịch vụ

Trên cơ sở ý kiến chuyên gia và kết quả khảo sát, đánh giá thực tiễn, Ban chủ nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện và biên tập tổng thể giá dịch vụ.

Bước 7: Thẩm định giá dịch vụ

Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xây dựng giá dịch vụ tổ chức việc thẩm định dự thảo giá dịch vụ.

- Lập kế hoạch thẩm định và gửi tài liệu đến các thành viên.

- Các thành viên Hội đồng thẩm định nghiên cứu dự thảo giá dịch vụ và các tài liệu liên quan để chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá (bằng văn bản) đối với dự thảo giá dịch vụ và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

- Thông báo tới Ban chủ nhiệm về thời gian, địa điểm và nội dung cuộc họp thẩm định giá dịch vụ của Hội đồng.

Bước 8: Nội dung cuộc họp thẩm định

- Ban chủ nhiệm báo cáo dự thảo giá dịch vụ đào tạo;

- Ban chủ nhiệm giải đáp các câu hỏi của Hội đồng thẩm định;

- Các thành viên Hội đồng thẩm định thảo luận, đánh giá công khai về dự thảo giá dịch vụ đào tạo ;

- Các thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá chất lượng của dự thảo giá dịch vụ bằng phương pháp bỏ phiếu kín theo các mức sau:

Mức 1: Đạt yêu cầu đề nghị ban hành;

Mức 2: Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa trước khi đề nghị ban hành;

Mức 3: Không đạt yêu cầu phải xây dựng lại.

- Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổng hợp các ý kiến đánh giá của các thành viên Hội đồng và kết luận về chất lượng của định mức trên cơ sở đồng thuận của tất cả các thành viên Hội đồng thẩm định tham gia cuộc họp (theo một trong ba mức quy định trên). Nếu dự thảo giá dịch vụ đào tạo phải chỉnh sửa thì Chủ tịch Hội đồng sẽ yêu cầu chi tiết việc chỉnh sửa. Trường hợp dự thảo không đạt yêu cầu phải xây dựng lại thì Chủ tịch Hội đồng sẽ quyết định phương án tổ chức thẩm định lại để Ban chủ nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo kết luận của Chủ tịch hội đồng thẩm định;

- Chủ tịch Hội đồng thẩm định tổng hợp, báo cáo cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xây dựng giá dịch vụ đào tạo về kết quả thẩm định.

Bước 9: Ban hành giá dịch vụ đào tạo.

Căn cứ biên bản thẩm định, kết luận thẩm định và báo cáo chỉnh sửa (nếu có), Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp ký ban hành giá dịch vụ đào tạo theo thẩm quyền.

Cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xây dựng giá dịch vụ đào tạo hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình xây dựng, thẩm định giá dịch vụ đào tạo.

**Điều 11. Điều chỉnh, bổ sung giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp**

1. Việc điều chỉnh, bổ sung giá dịch vụ đào tạo được thực hiện trong trường hợp định mức giá dịch vụ đào tạo đã ban hành không còn phù hợp với điều kiện mới về tổ chức thực hiện và tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Khi có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung định mức giá dịch vụ đào tạo, thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xây dựng kế hoạch và triển khai điều chỉnh, bổ sung theo quy định của Thông tư này.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Tổ chức xây dựng, thẩm định, ban hành và hướng dẫn triển khai, áp dụng đối với giá dịch vụ ngành.

2. Định kỳ rà soát, đánh giá kịp thời điều chỉnh, bổ sung đối với giá dịch vụ ngành đã ban hành cho phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội hàng năm, giai đoạn.

3. Xây dựng kế hoạch theo lộ trình và bố trí nguồn lực để triển khai xây dựng và ban hành giá dịch vụ đào tạo; tổng hợp chung tình hình thực hiện giá dịch vụ đào tạo trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên toàn quốc.

4. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng, áp dụng giá dịch vụ đào tạo thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

**Điều 13. Trách nhiệm của các Bộ, ngành**

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng giá dịch vụ đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Theo dõi, tổng hợp và thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm về tình hình thực hiện giá dịch vụ đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng các mức giá dịch vụ đào tạo đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Tổ chức xây dựng và ban hành giá dịch vụ đào tạo của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

3. Theo dõi, tổng hợp và thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm về tình hình thực hiện giá dịch vụ đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 15. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

1. Quản lý, áp dụng giá dịch vụ đào tạo trong hoạt động đào tạo và thực hiện chế độ báo cáo đối với cơ quan quản lý trực tiếp và cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp tại địa phương trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Tổ chức xây dựng và ban hành giá dịch vụ đào tạo cơ sở theo thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này.

**Điều 16. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí xây dựng giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp ngành được ngân sách trung ương đảm bảo trong dự toán kinh phí hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn.

2. Kinh phí xây dựng giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được đảm bảo trong dự toán chi hàng năm của cơ quan, đơn vị và các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

3. Kinh phí xây dựng giá dịch vụ giáo dục nghề nghiệp cấp cơ sở được thực hiện từ nguồn kinh phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có).

**Điều 17. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày…..   tháng….. năm ……

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) để hướng dẫn hoặc phối hợp giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - Sở GD&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);  - Công báo, Website Chính phủ, Website Bộ LĐTBXH;  - Lưu: VT, TCGDNN. | **BỘ TRƯỞNG**  **Đào Ngọc Dung** |